

# PHÁT TRIỂN KINH TẾ TỈNH QUẢNG NAM TRONG TƯƠNG QUAN VỚI CẢ NƯỚC TRÊN BA ĐỘT PHÁ CHIẾN LƯỢC

Lý Đại Hùng

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Nam trong tương quan với cả nước, căn cứ vào sự thay đổi của ba đột phá chiến lược gồm thể chế, nhân lực và cơ sở hạ tầng. Phương pháp nghiên cứu kết hợp định tính và định lượng dựa trên bộ dữ liệu gồm 63 địa phương tại Việt Nam trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019. Kết quả phân tích định tính cho thấy, Quảng Nam đã đạt được kết quả đáng kể trong phát triển kinh tế, thể hiện ở tốc độ tăng trưởng cao hơn cả nước, gắn liền với phân phối thu nhập công bằng hơn so với cả nước. Hơn nữa, theo phân tích định lượng, tỉnh Quảng Nam đang có thành tích về hội tụ thu nhập cao hơn so với mức dự báo của mô hình dựa trên các nền tảng về ba đột phá chiến lược hiện có.

**Từ khóa:** Kinh tế vùng và địa phương; Hội quy liên vùng; Quảng Nam; Phát triển kinh tế.

## Giới thiệu

Nền kinh tế của tỉnh Quảng Nam đang trong quá trình hướng tới mức phát triển khá của cả nước vào năm 2030, theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 22, nhiệm kỳ 2020-2025 (Phan Việt Cường, 2020). Hòa chung với không gian phát triển của cả nước, khi mà các địa phương khác cũng đang đề ra các chỉ tiêu cao về thu nhập bình quân đầu người, mục tiêu về tổng sản lượng nội tỉnh (GRDP) bình quân đầu người đạt 113 triệu đồng của tỉnh Quảng Nam vào năm 2025 đang xếp thứ 5/14 địa phương vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, và xếp thứ 24/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Thời báo Vnexpress, 2021). Khả năng hiện thực hóa mục tiêu về thu nhập phụ thuộc vào sự chuyển hóa các nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm, đặc biệt là ba đột phá chiến lược, vào cuộc sống. Thực tiễn sinh động này đặt ra nhu cầu về việc đánh giá kết quả phát triển kinh tế gắn với ba đột phá chiến lược, gồm thể chế, nhân lực và cơ sở hạ tầng của Quảng Nam.

## 1. Mục tiêu và phương pháp nghiên cứu

Bài viết này phân tích quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Nam trong tương quan với cả nước, căn cứ vào sự thay đổi của ba đột phá chiến lược.

Mục tiêu của bài viết nhằm đánh giá kết quả về phát triển kinh tế của tỉnh và chỉ ra vai trò tổng hòa của các đột phá chiến lược đối với các kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2010-2019. Từ đó, các bằng chứng thu thập được sẽ cung cấp thêm các luận cứ cho công tác hoạch định chính sách để địa phương hoàn thành mục tiêu về thu nhập bình quân đến năm 2025.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với định lượng, dựa trên bộ dữ liệu gồm 63 địa phương tại Việt Nam, trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019. Trong đó, phương pháp định tính dựa trên công tác phân tích, tổng hợp các dữ liệu về phát triển kinh tế của địa phương; phương pháp định lượng dựa trên mô hình hội quy liên vùng, so sánh địa phương trong tương quan với cả nước.

## 2. Tổng quan nghiên cứu và đóng góp của bài viết

Các kết quả nghiên cứu của bài viết đưa ra các đóng góp quan trọng đối với các nội dung nghiên cứu về phát triển kinh tế vùng và địa phương hiện nay và các đánh giá về tình hình kinh tế riêng của tỉnh Quảng Nam.

Chủ đề về hội tụ thu nhập giữa các nền kinh tế cũng đã được nhiều nghiên cứu quốc tế và trong nước đề cập. Hội tụ về thu nhập được đo lường bởi sự thu hẹp về tỷ lệ thu nhập của một tỉnh so với địa phương dẫn đầu theo thời gian. Thước đo này thể hiện trực tiếp giá trị mà mỗi người dân được hưởng thụ từ thành quả của phát triển kinh tế.

Các nghiên cứu quốc tế, như nhóm tác giả Aghion và Howitt (2008), Barro và Sala-i-Martin (1992) chỉ ra rằng, hội tụ về thu nhập ít xảy ra trong thực tế. Hội tụ thu nhập xảy ra đều cần có các điều kiện kèm theo, như sự cải thiện về chất lượng thể chế, trình độ nhân lực. Trong đó, nhóm tác giả Mankiw, Romer và Weil (1992) chỉ ra rằng, nhân lực cũng được coi như một loại vốn, bổ sung cho vốn vật chất gồm nhà xưởng, máy móc, như đã được đề cập trong mô hình tăng trưởng Tân cổ điển (Solow, 1956). Chất lượng nguồn nhân lực cũng trải qua quá trình tích lũy theo thời gian, đóng góp vào mô hình tăng trưởng, và từ đó, gia tăng sự hội tụ về thu nhập của các nền kinh tế. Gần đây, tác giả Lee (2020) đưa ra các bằng chứng thực nghiệm để chỉ ra rằng, sự hội tụ về thu nhập chỉ xảy ra với một số nền kinh tế và các nền kinh tế còn lại rơi vào bẫy thu nhập trung bình, tức là hội tụ thu nhập không thành công. Trong các yếu tố đóng góp cho hội tụ thu nhập, chất lượng nguồn nhân lực và thể chế đóng vai trò cốt yếu.

Ngoài ra, một số các nghiên cứu trong nước cũng phân tích sự hội tụ về thu nhập của các địa phương. Nhóm tác giả Hà Văn Sơn, Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Thanh Bình (2020) chỉ ra rằng, tồn tại sự hội tụ về tốc độ tăng trưởng

mức hiệu quả kinh tế giữa các địa phương trong giai đoạn 2010 - 2017 phụ thuộc vào vốn tư bản và lực lượng lao động tại các địa phương. Nhóm tác giả Nguyễn Văn Công và Nguyễn Việt Hùng (2014) phân tích rằng, sự hội tụ thu nhập của cấp tỉnh trong giai đoạn 2000 - 2012 chỉ đi kèm với tăng cường tỷ lệ đầu tư.

So với các nghiên cứu trong nước và quốc tế đã thực hiện, bài viết này làm rõ vai trò đóng góp của ba đột phá chiến lược gồm nhân lực, thể chế và cơ sở hạ tầng đối với sự hội tụ về thu nhập của các địa phương. Từ đó, bài viết chỉ ra rằng, chất lượng nhân lực đóng vai trò nền tảng đối với sự thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Việt Nam.

Nhiều nghiên cứu trong nước cũng đã đề cập đến tình hình phát triển kinh tế tại tỉnh Quảng Nam, từ đó, làm rõ vị thế phát triển trong tương quan với các địa phương khác trong vùng và với cả nước.

Tác giả Lê Quý Đạt (2021) đã phân tích rằng, tăng trưởng kinh tế nhanh trong giai đoạn 2010-2019 đã nâng cao vị thế và tiềm lực kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Nam so với khu vực và cả nước. Trong 14 tỉnh, thành phố của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Quảng Nam xếp thứ hai về tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2006-2019, xếp thứ hai về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), và xếp thứ tư về GRDP bình quân đầu người. Tuy vậy, tác giả này cũng nhận định rằng, kinh tế của tỉnh đang có dấu hiệu chững lại sau thời gian dài tăng tốc và năng lực sản xuất của nền kinh tế đã đạt ngưỡng về quy mô. Tác giả Lê Trí Thanh (2020) đã làm rõ hơn về thành tích phát triển của tỉnh Quảng Nam. Sau 20 năm tái lập kể từ năm 2017, tỉnh đã trở thành một địa phương tự cân đối ngân sách và thậm chí có điều tiết về ngân sách trung ương. Tính đến năm 2019, quy mô GRDP của tỉnh đạt gần 100.000 tỷ đồng, đứng vị trí thứ hai trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Đặc biệt, về định

hướng trong giai đoạn sắp tới, tác giả Phan Việt Cường (2020) nhấn mạnh rằng, Quảng Nam sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba nhiệm vụ đột phá chiến lược, gồm xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và phát triển đô thị; chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; cải thiện môi trường đầu tư và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Trong tổng thể các kết quả đánh giá đã được ghi nhận về tình hình phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Nam, bài viết này đã so sánh tỉnh với cả nước trong lộ trình phát triển kinh tế. Cụ thể, phát triển kinh tế bao gồm trụ cột chính là tăng trưởng tổng sản lượng và gắn với tiến trình công bằng hơn trong phân phối thu nhập (Gupta, Pouw và Ros-Tonen, 2015). Dựa vào khái niệm này, bài viết tập trung đánh giá thành tích về phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Nam để làm rõ quá trình tăng trưởng kinh tế đang đi kèm với phân phối công bằng hơn về thu nhập tại địa phương. Hơn nữa, các bằng chứng thực nghiệm và phân tích địa phương điển hình cung cấp

thêm luận cứ cho công tác hoạch định chính sách trong giai đoạn sắp tới.

### 3. Phát triển kinh tế ở tỉnh Quảng Nam thời gian qua

#### 3.1. Tăng trưởng GRDP

Nền kinh tế của tỉnh Quảng Nam đã mở rộng đáng kể qua các năm. Trong Bảng 1, theo số liệu của Tổng cục Thống kê (TCTK), quy mô tổng sản lượng nội tỉnh (GRDP) của địa phương đã tăng từ 60.856 tỷ đồng vào năm 2015 lên 91.676 tỷ đồng vào năm 2018. Tỷ trọng của GRDP của tỉnh so với cả nước cũng đã gia tăng nhẹ, chiếm từ 1,35% vào 2015 lên 1,51% vào năm 2018. Quá trình mở rộng kinh tế dựa trên tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm giai đoạn 2015-2018 đạt 16%/năm, cao gấp 2,3 lần so với mức trung bình của cả nước (đạt 6,9%/năm) trong cùng giai đoạn. Các kết quả tăng trưởng kinh tế này đã được chuyển hóa thành các thành tích về phát triển kinh tế, thể hiện qua sự hội tụ thu nhập của tỉnh với cả nước, và đi kèm với sự thay đổi về phân phối thu nhập.

BẢNG 1. TỔNG SẢN LƯỢNG NỘI TỈNH (GRDP) CỦA QUẢNG NAM

Năm	2015	2016	2017	2018
GRDP của địa phương (tỷ đồng, giá hiện hành)	60.856	76.772	83.440	91.676
Tỷ trọng GRDP so với cả nước (%)	1,35	1,53	1,51	1,51
Tốc độ tăng GRDP của địa phương (%)	23,71	27,23	5,09	8,15
Tốc độ tăng GRDP của cả nước (%)	6,21	6,81	7,08	7,57

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê.*

Thành tích về tăng trưởng kinh tế của tỉnh Quảng Nam gắn liền với sự cải thiện trong chất lượng của mô hình tăng trưởng. Theo tính toán của tác giả từ số liệu của TCTK, hệ số ICOR, thể hiện hiệu quả sử dụng vốn của tỉnh đang thấp hơn so với cả nước. Năm 2015, tỉnh đạt 1,44 so với cả nước đạt 4,89 và năm 2019, tỉnh đạt 3,77 so với cả nước đạt 4,05. Còn về hiệu quả sử dụng lao động, thể hiện qua năng suất

lao động, địa phương này cũng đang dần bắt kịp với cả nước. Năm 2015, năng suất lao động của tỉnh đạt 85,23 triệu đồng/lao động, bằng 82% so với cả nước; đến năm 2019, con số này của tỉnh đã đạt 101,92 triệu đồng bằng 91% so với cả nước. Như vậy, cả hiệu quả sử dụng vốn và lao động của tỉnh Quảng Nam đều đang khả quan hơn so với cả nước.

### 3.2. Hội tụ thu nhập

BẢNG 2. THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI MỘT THÁNG THEO GIÁ HIỆN HÀNH (TRIỆU ĐỒNG)

Năm	2010	2012	2014	2016	2018	2019
Cả nước	1,387	2,0	2,637	3,098	3,876	4,295
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1,018	1,505	1,982	2,358	3,015	3,331
Quảng Nam	0,935	1,376	1,785	2,187	2,905	3,192
Địa phương so với cả nước (%)	67,4	68,8	67,7	70,6	74,9	74,3
Địa phương so với vùng (%)	91,8	91,4	90,1	92,7	96,4	95,8

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê.*

Thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Quảng Nam đang dần tiệm cận với mức trung bình của cả nước và của vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Theo Bảng 2, thu nhập bình quân của mỗi người dân trong tỉnh đã tăng từ 0,9 triệu vào năm 2010 lên 2,18 triệu vào năm 2016 và 3,19 triệu vào năm 2019. Sự gia tăng thu nhập đã giúp địa phương thu hẹp khoảng cách thu nhập với các tỉnh trong cả nước. Tỷ lệ thu nhập của tỉnh so với cả nước đã

gia tăng thêm 7 điểm phần trăm trong giai đoạn 2010 - 2019, từ 67,4% vào 2010 lên 74,3% vào 2019. So với vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, thu nhập bình quân của tỉnh cũng đã thu hẹp khoảng cách, từ 91,8% lên 95,8%. Như vậy, thu nhập bình quân của tỉnh Quảng Nam đang trên đà bắt kịp với cả nước và vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung.

### 3.3. Phân phối thu nhập

BẢNG 3. CHÊNH LỆCH THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI MỘT THÁNG CỦA NHÓM THU NHẬP CAO NHẤT SO VỚI NHÓM THU NHẬP THẤP NHẤT (LẦN)

Năm	2010	2012	2014	2016	2018	2019
Cả nước	9,2	9,4	9,7	9,8	10	10,2
Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung	7,2	7,6	7,8	7,9	8,1	8,3
Quảng Nam	6,0	6,5	6,5	6,8	7,3	7,4
Địa phương so với cả nước (%)	65,2	69,1	67,0	69,4	73,0	72,5
Địa phương so với vùng (%)	83,3	85,5	83,3	86,1	90,1	89,2

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ dữ liệu của Tổng cục Thống kê.*

Bất bình đẳng trong phân phối thu nhập của tỉnh Quảng Nam đang thấp hơn so với cả nước và vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung. Theo Bảng 3, chênh lệch thu nhập bình quân đầu người một tháng của nhóm thu nhập cao nhất so với nhóm thu nhập thấp nhất của

tỉnh là 6,0 vào năm 2010, và tăng lên 7,4 vào năm 2019. Hai con số này thấp hơn đáng kể so với mức 9,2 vào năm 2010 và 10,2 vào năm 2019 của cả nước. So với vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Quảng Nam cũng có mức chênh lệch thu nhập thấp hơn trong giai đoạn 2010-2019.

#### 4. Ba đột phá chiến lược

Các đột phá chiến lược của tỉnh Quảng Nam đều đang đạt được sự cải thiện trong các năm gần đây.

Về chất lượng thể chế, theo số liệu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) (Hình B1 trong Phụ lục), chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Quảng Nam liên tục gia tăng theo các năm. Năm 2006, tỉnh đạt 56 điểm, đến năm 2016 đạt 61 điểm và đến 2019 đạt 69 điểm. Trong cùng giai đoạn, xếp hạng của tỉnh cũng liên tục thăng hạng: từ vị trí 15/63 vào năm 2006 lên 6/63 tỉnh, thành vào năm 2019.

Về nguồn nhân lực, theo số liệu của TCTK (Hình C1 trong Phụ lục), chất lượng nhân lực của tỉnh Quảng Nam đã gia tăng trong giai đoạn 2008 đến 2019. Cụ thể, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đã gia tăng từ 14% vào năm 2008 lên 18,7% vào năm 2019. Mặc dù chỉ tiêu này của tỉnh vẫn đang thấp hơn cả nước và vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vẫn là một điểm sáng về lực lượng lao động tại Quảng Nam.

Về cơ sở hạ tầng, theo số liệu của Bộ Thông tin và Truyền thông (Hình D1 trong Phụ lục), mức độ sẵn sàng về phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông tại tỉnh đã tăng từ 0,38 vào năm 2014 lên 0,48 vào năm 2019. Cùng với đó, xếp hạng của tỉnh cũng liên tục thăng hạng, từ vị trí 45/63 vào năm 2014 lên 18/63 tỉnh, thành vào năm 2019. Ngoài ra, theo chỉ số cơ sở hạ tầng, công bố bởi Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tỉnh Quảng Nam đang xếp hạng 24/63 tỉnh, thành vào năm 2019, thuộc nhóm trung bình của cả nước. Vị trí này đã cải thiện nhiều so với xếp hạng 47/63 vào năm 2013.

#### 5. Phát triển kinh tế dựa trên ba đột phá chiến lược

##### 5.1 Số liệu và mô hình

#### Số liệu

Thu nhập bình quân đầu người của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương qua các năm (2010, 2012, 2014, 2016, 2018 và 2019) được thu thập theo tháng, với đơn vị là triệu đồng. Bộ số liệu lấy từ cơ sở dữ liệu trực tuyến của Tổng cục Thống kê. Trong đó, thành phố Hồ Chí Minh với thu nhập cao nhất được coi như địa phương dẫn đầu. Từ đó, tác giả tính toán ra tỷ lệ thu nhập của mỗi tỉnh, thành phố (j) so với thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) theo mỗi năm (t). Ví dụ, tại năm  $t=2010$ ,

$$\frac{\text{Thunhập}_{2010}^j}{\text{Thunhập}_{2010}^{\text{TPHCM}}}$$

Từ đó, sự hội tụ về thu nhập của mỗi tỉnh, thành phố (j) là:

Hội tụ về thunhập;

$$= \frac{\text{Thunhập}_{2019}^j}{\text{Thunhập}_{2019}^{\text{TPHCM}}} - \frac{\text{Thunhập}_{2010}^j}{\text{Thunhập}_{2010}^{\text{TPHCM}}}$$

Các số liệu khác được lấy từ các nguồn số liệu công bố trực tuyến. Thứ nhất, chất lượng nguồn nhân lực của mỗi địa phương (j) (Nhânlực<sub>j</sub>) là tỷ lệ lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo, đơn vị %. Số liệu này lấy từ cơ sở dữ liệu trực tuyến của Tổng cục Thống kê. Thứ hai, chất lượng thể chế của mỗi địa phương (j) (Thểchế<sub>j</sub>) là chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) công bố hàng năm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Chỉ số PCI được lấy qua các năm từ 2010 đến 2019, sau đó, giá trị biến số (Thểchế<sub>j</sub>) là sự khác biệt giữa chỉ số PCI của năm 2019 so với năm 2010. Chất lượng thể chế cũng có thể được thể hiện theo các cách khác, như sự thay đổi của vị trí xếp hạng của năm 2019 so với năm 2010. Kết quả phân tích với các cách đo lường thay thế này đều cho các giá trị tương tự nhau. Thứ ba, chất lượng cơ sở

hạ tầng của mỗi địa phương (j) ( $Hạ\text{tầng}_j$ ) là diện tích nhà ở bình quân đầu người, với đơn vị  $m^2/người$ . Số liệu này được lấy từ cơ sở dữ liệu trực tuyến của Tổng cục Thống kê. Việc lựa chọn chỉ số này đảm bảo sự sẵn sàng về dữ liệu và sự thống nhất theo thời gian vì được Tổng cục Thống kê công bố hàng năm, đồng thời, gắn

chất lượng cơ sở hạ tầng trực tiếp với mức sống của người dân.

*Mô hình*

Mô hình ước lượng được xây dựng dựa vào phương pháp hồi quy liên vùng, với phương trình ước lượng như sau:

$$Hộitụvề\text{thu}\text{nhập}_j = \alpha + \beta^{\text{Nhânlực}} \cdot \text{Nhânlực}_j + \beta^{\text{Thếchế}} \cdot \text{Thếchế}_j + \beta^{\text{Hạ\text{tầng}}} \cdot \text{Hạ\text{tầng}}_j + u_j$$

Theo cấu trúc này, mô hình định lượng cũng tính đến vai trò của ba đột phá chiến lược mà Việt Nam đề cập trong các Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và 10 năm sắp tới. Cụ thể, các hệ số ( $\beta^{\text{Nhânlực}}, \beta^{\text{Thếchế}}, \beta^{\text{Hạ\text{tầng}}}$ ) lần lượt thể hiện tầm ảnh hưởng của chất lượng nguồn nhân lực, thể chế và cơ sở hạ tầng đối với sự hội tụ về thu nhập. Giá trị âm hay dương của mỗi hệ số ước lượng chưa được xác định và cũng là trọng tâm phân tích của bài viết này.

**5.2. Bằng chứng thực nghiệm**

Bảng 4 thể hiện kết quả hồi quy của mức hội tụ về thu nhập theo các biến số độc lập thể hiện ba đột phá chiến lược. Cột (1) bắt đầu với chất lượng nhân lực, cột (2) thêm chất lượng thể chế, và cột (3) thêm cơ sở hạ tầng để đạt được một mô hình đầy đủ. Bằng chứng thực nghiệm ở cả ba cột cho thấy chất lượng nhân lực có vai trò

tích cực đối với sự hội tụ về thu nhập của các địa phương đến mức thu nhập của thành phố Hồ Chí Minh, là địa phương dẫn đầu. Ngoài ra, theo cột (3), cơ sở hạ tầng cũng có đóng vai trò tích cực giúp hỗ trợ sự hội tụ thu nhập của các địa phương. Tuy nhiên, chất lượng thể chế lại chưa có hệ số mang ý nghĩa thống kê đối với sự hội tụ thu nhập. Điều này có thể lý giải dựa trên kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Văn Bốn (2019). Cụ thể, tác động của thể chế đối với tăng trưởng kinh tế mang tính bất đối xứng: mang vai trò tích cực khi thể chế đạt tốt nhưng mang vai trò tiêu cực khi thể chế đạt không tốt. Vì vậy, khi xét đến tổng thể các địa phương, hệ số hồi quy của thể chế có thể không có ý nghĩa thống kê, thậm chí bị âm. Tóm lại, cả ba đột phá chiến lược đều có hỗ trợ sự hội tụ thu nhập của các địa phương tại Việt Nam.

**BẢNG 4. KẾT QUẢ HỒI QUY CỦA HỘI TỤ VỀ THU NHẬP THEO CÁC BIẾN SỐ ĐỘC LẬP**

<b>Biến số</b>	<b>(1)</b>	<b>(2)</b>	<b>(3)</b>
Nhân lực	0,00448*** (0,00104)	0,00444*** (0,00112)	0,00257** (0,000989)
Thể chế		3,80e-05 (0,000474)	4,12e-07 (0,000392)
Cơ sở hạ tầng			0,0105*** (0,00198)
Hệ số cố định	0,0183 (0,0215)	0,0190 (0,0230)	-0,191*** (0,0437)
Số quan sát	62	62	62
R bình phương	0,237	0,238	0,488

*Ghi chú: Sai số chuẩn trong ngoặc đơn, \*\*\*  $p < 0.01$ , \*\*  $p < 0.05$ , \*  $p < 0.1$ .*

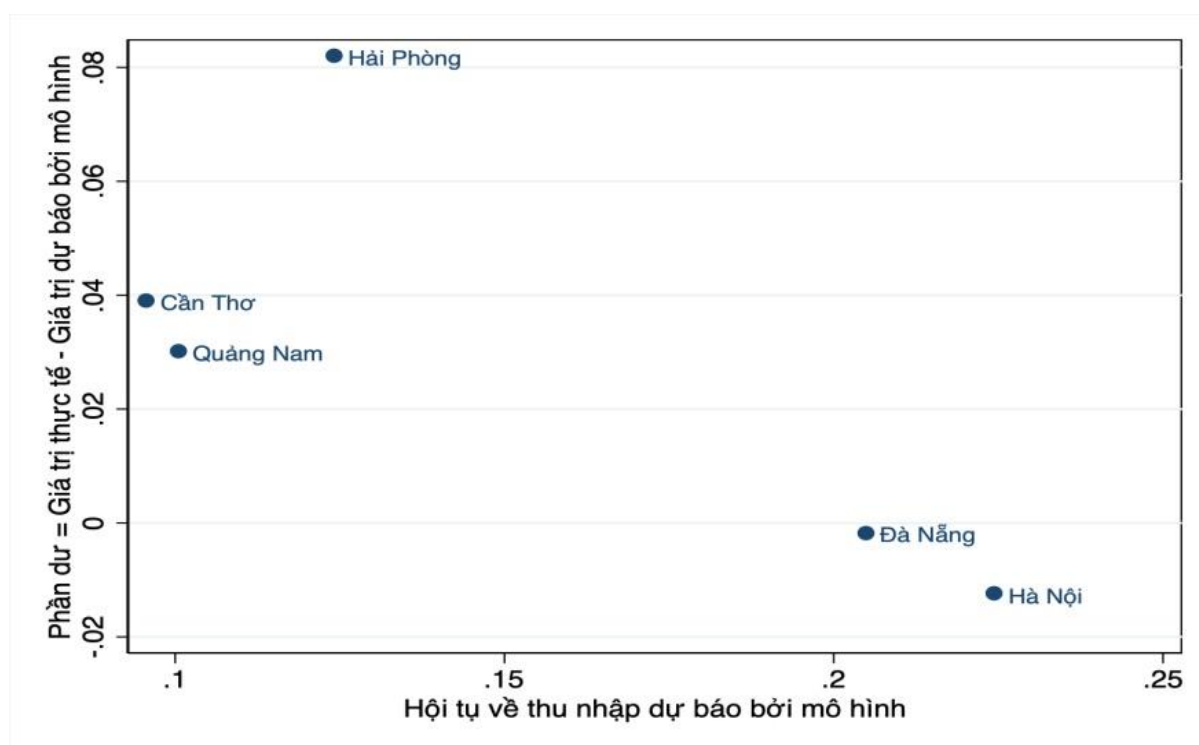
*Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của TCTK và VCCI.*

Dựa trên bằng chứng thực nghiệm về 62 địa phương ghi nhận ở Bảng 4, có thể tiến hành so sánh tỉnh Quảng Nam với các thành phố trực thuộc trung ương, được coi như các địa phương điển hình trong cả nước.

Hình 1 thể hiện sự hội tụ về thu nhập tại một số địa phương. Tỉnh Quảng Nam đã thu hẹp được 13% về khoảng cách thu nhập so với thành

phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2010-2019. Thành tích này đang cao hơn so với kết quả dự báo, chỉ đạt 10%, bởi mô hình. Đặc điểm này cũng giống như thành tích của thành phố Hải Phòng và Cần Thơ khi mà tốc độ hội tụ thu nhập trong thực tế đều cao hơn so với giá trị dự báo bởi mô hình. Còn thành phố Đà Nẵng và Hà Nội lại đang đạt được tốc độ hội tụ thu nhập thấp hơn mức dự báo bởi mô hình.

HÌNH 1. SO SÁNH HỘI TỤ VỀ THU NHẬP THEO GIÁ TRỊ THỰC TẾ VỚI GIÁ TRỊ CỦA MÔ HÌNH



Ghi chú: Dự báo hội tụ về thu nhập (trục hoành) được tính toán dựa vào mô hình (3) Bảng 4.

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của TCTK và VCCI.

Bảng 5 thể hiện chi tiết hơn vai trò của ba đột phá chiến lược đối với sự hội tụ thu nhập của các địa phương. So trong vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung, Quảng Nam có tốc độ hội tụ thu nhập đạt 0,13, thấp hơn Đà Nẵng (đạt 0,20), do chất lượng nhân lực và cơ sở hạ tầng đều đang thấp hơn. Còn với cả nước, trong các thành phố trực thuộc Trung ương, tốc

độ hội tụ thu nhập của Quảng Nam đang bằng với mức của Cần Thơ. Hai địa phương này có cơ sở hạ tầng tương tự nhau (theo biến số về diện tích nhà ở bình quân) nhưng Quảng Nam có chất lượng nhân lực tốt hơn. Như vậy, chất lượng nhân lực đang đóng vai trò quan trọng đối với tốc độ hội tụ thu nhập của tỉnh Quảng Nam.

BẢNG 5. HỘI TỤ VỀ THU NHẬP CỦA QUẢNG NAM SO VỚI CÁC THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Tỉnh	Hội tụ về thu nhập	Nhân lực	Thế chế	Cơ sở hạ tầng	Hội tụ theo mô hình	Phần dư
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (2) - (6)
Quảng Nam	0,13	18,7	20,0	23,1	0,10	0,03
Hà Nội	0,21	48,1	34,0	27,7	0,22	-0,01
Hải Phòng	0,21	31,6	38,0	22,2	0,12	0,09
Đà Nẵng	0,20	44,6	-4,0	26,7	0,20	0,00
Cần Thơ	0,13	16,4	2,0	23,2	0,09	0,04

*Ghi chú: Dự báo hội tụ về thu nhập tại cột (6) được tính dựa vào mô hình (3) Bảng 4.*

*Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu của TCTK và VCCI.*

Kết quả phân tích trong Bảng 4 và Bảng 5 tạo cơ sở cho sự mô phỏng về chính sách. Trong giai đoạn 2010-2019, tốc độ hội tụ thu nhập của tỉnh Quảng Nam đang thấp hơn so với mức trung bình (0,20) của ba thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng) với khoảng cách bằng 0,07. Theo kết quả hồi quy tại cột (3) của Bảng 4 cho mô hình định lượng đầy đủ, việc tăng tốc độ hội tụ thu nhập thêm 0,07 sẽ cần tăng chất lượng nhân lực lên thêm 28% ( $=0,07/0,0025$ ). Với tỉnh Quảng Nam, kết quả này hàm ý rằng, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ của tỉnh cần tăng từ 18,7% lên 46,7%. Con số này cao hơn mức của Đà Nẵng (44,6%) và thấp hơn của Hà Nội (48,1%). Tóm lại, gia tăng chất lượng nhân lực là một phương án khả thi để Quảng Nam đạt được tốc độ hội tụ thu nhập với ba thành phố trực thuộc trung ương dẫn đầu (Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng).

#### **Kết luận và thảo luận chính sách**

Bài viết phân tích quá trình phát triển kinh tế của tỉnh Quảng Nam trong tương quan với cả nước, căn cứ vào sự thay đổi của ba đột phá chiến lược gồm thể chế, nhân lực và cơ sở hạ tầng. Phương pháp nghiên cứu kết hợp định tính

và định lượng, dựa trên bộ dữ liệu gồm 63 địa phương tại Việt Nam, trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2019.

Kết quả phân tích định tính cho thấy, Quảng Nam đã đạt được kết quả đáng kể trong phát triển kinh tế, dựa vào tốc độ tăng trưởng cao hơn cả nước, gắn liền với phân phối thu nhập công bằng hơn so với cả nước. Hơn nữa, tỉnh Quảng Nam đang có thành tích về hội tụ thu nhập cao hơn so với mức dự báo của mô hình dựa trên các nền tảng về ba đột phá chiến lược hiện có.

Bài viết cũng đưa ra gợi ý chính sách quan trọng cho thực tiễn. Phần phân tích địa phương điển hình chỉ ra rằng, nếu Quảng Nam gia tăng được chất lượng nhân lực gần bằng với mức của Hà Nội thì tỉnh này có thể đã đạt được tốc độ hội tụ về thu nhập bằng với mức của các thành phố trực thuộc trung ương. Ngoài ra, bằng chứng thực nghiệm chỉ ra rằng, chất lượng nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng đang đóng vai trò quan trọng hơn so với thể chế đối với hội tụ thu nhập của các địa phương. Vì vậy, nhân lực có thể trở thành một ưu tiên hàng đầu trong ba đột phá chiến lược để tập trung đầu tư cho giai đoạn sắp tới.

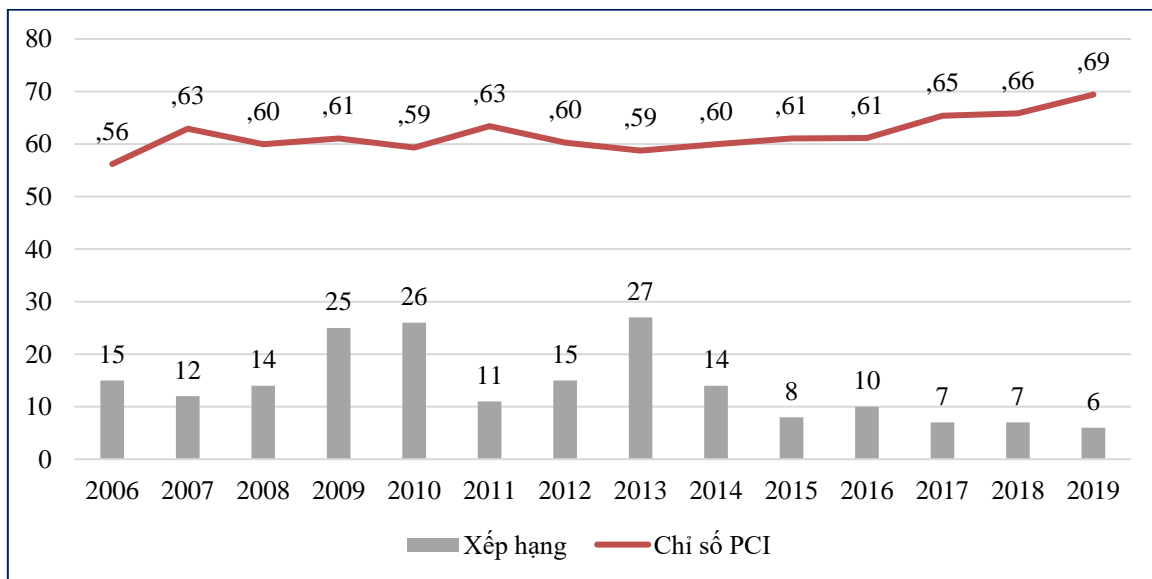
**Tài liệu tham khảo**

1. Aghion, Philippe, and Peter W. Howitt (2008). *The Economics of Growth*. MIT university press, Cambridge, Massachusetts, United States.
2. Barro, Robert J., and Xavier Sala-i-Martin (1992). Convergence. *Journal of Political Economy*, 100(2), pp.223-251.
3. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam (2020). *Dự thảo Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030*. Truy cập ngày 12/12/2020 tại website: <<https://daihoi13.dangcongsan.vn/tin-moi/gop-y-vao-du-thao-cac-van-kien-trinh-dai-hoi-xiii-cua-dang-2480>>.
4. Gupta, Joyeeta, Nicky RM Pouw, and Mirjam AF Ros-Tonen (2015). *Inclusive Development, Encyclopedia of Global Environmental Governance and Politics*, Publisher: Edward Elgar Publishing Limited: Cheltenham, UK /Northampton, MA, USA, Editors: Pattberg P.H., Zelli F., pp.35-44.
5. Hà Văn Sơn, Nguyễn Văn Thắng và Nguyễn Thanh Bình (2020). Kiểm định sự hội tụ thu nhập giữa các tỉnh thành ở Việt Nam bằng hồi quy không gian. *Tạp chí Con số và Sự Kiện*, Tổng cục Thống kê. Truy cập ngày 12/12/2020 tại website: <<http://consosukien.vn/kiem-dinh-su-hoi-tu-thu-nhap-giua-cac-tinh-thanh-o-viet-nam-bang-hoi-quy-khong-gian.htm>>.
6. Lee, Jong-Wha (2020). Convergence success and the middle-income trap. *The Developing Economies*, 58(1), pp.30-62.
7. Lê Trí Thanh (2020). Đưa Quảng Nam trở thành tỉnh phát triển của cả nước. *Báo Chính phủ điện tử*. Truy cập trực tuyến ngày 10/03/2021 tại website: ><http://baochinhphu.vn/Thoi-su/Dua-Quang-Nam-tro-thanh-tinh-phat-trien-cua-ca-nuoc/385706.vgp>>.
8. Lê Quý Đạt (2021). Vị thế Quảng Nam trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: tiềm năng và khả năng bứt phá. *Báo Quảng Nam điện tử*. Truy cập trực tuyến ngày 10/03/2021 tại website: <<http://baoquangnam.vn/kinh-te/vi-the-quang-nam-trong-vung-kinh-te-trong-diem-mien-trung-tiem-nang-va-kha-nang-but-pha-87266.html>>.
9. Mankiw, N. Gregory, David Romer, and David N. Weil (1992). A contribution to the empirics of economic growth. *The Quarterly Journal of Economics*, 107(2), pp.407-437.
10. Nguyễn Văn Công và Nguyễn Việt Hưng (2014). Kiểm định giả thuyết hội tụ có điều kiện ở cấp tỉnh tại Việt Nam trong giai đoạn 2000-2012. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 204, trang 36-41.
11. Phan Việt Cường (2020). Quảng Nam phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá của cả nước. *Báo Nhân dân điện tử*. Truy cập trực tuyến ngày 10/03/2021 tại website: <<https://nhandan.com.vn/tin-tuc-xa-hoi/quang-nam-phan-dau-tro-thanh-tinh-phat-trien-kha-cua-ca-nuoc--625239/>>.
12. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. *Báo cáo năng lực cạnh tranh cấp tỉnh qua các năm từ 2010 đến 2019*. Công bố trực tuyến: pcivietnam.vn.
13. Solow, Robert M (1956). A contribution to the theory of economic growth. *The Quarterly Journal of Economics*, 70(1), pp.65-94.
14. Tổng cục Thống kê. *Cơ sở dữ liệu trực tuyến*. <http://gso.gov.vn>.

15. Tổng hợp mục tiêu GRDP bình quân đầu người của các địa phương đến năm 2025. Truy cập ngày 12/12/2020 tại website: < <https://vnexpress.net/muc-tieu-grdp-binh-quan-dau-nguoi-63-tinh-thanh-4195833.html>>.
16. Van Bon, N. (2019). The role of institutional quality in the relationship between FDI and economic growth in Vietnam: Empirical evidence from provincial data. *The Singapore Economic Review*, 64(03), pp.601-623.

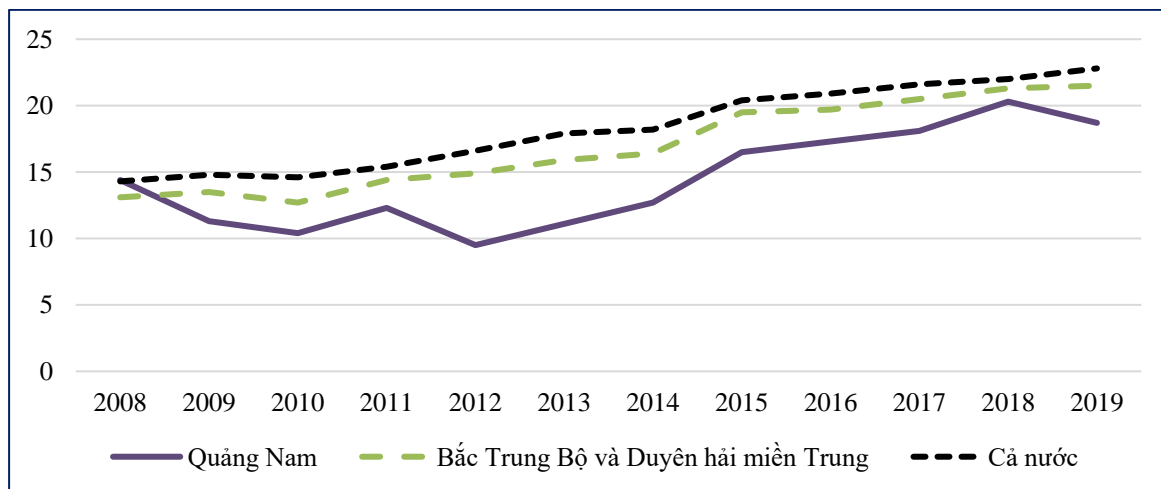
**Phụ lục**

**HÌNH B1. NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH CỦA QUẢNG NAM**



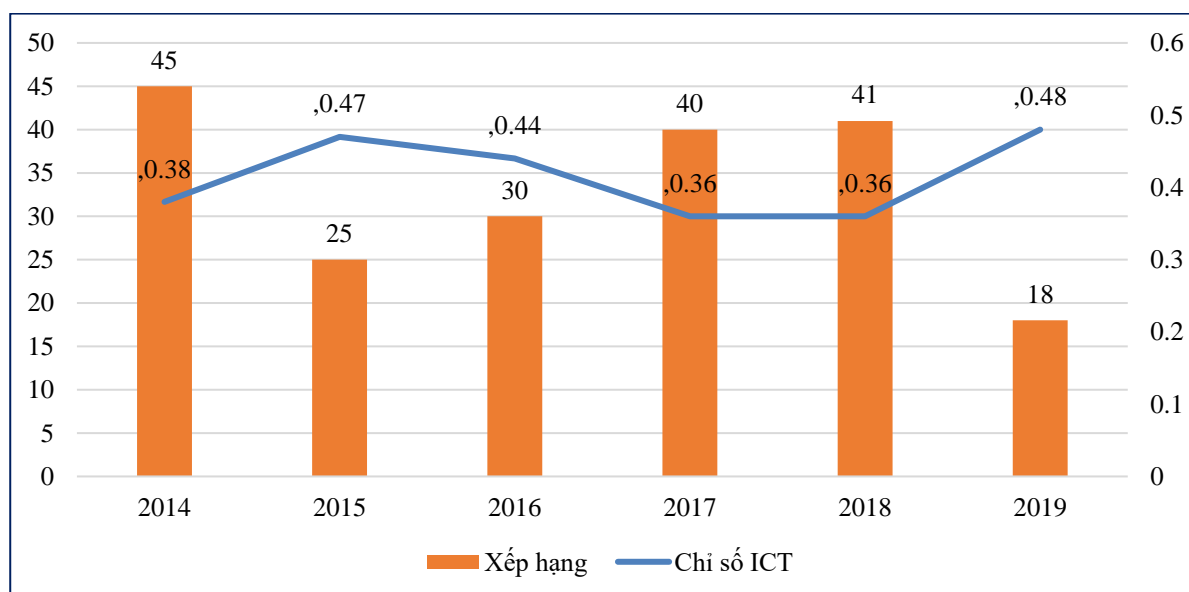
Nguồn: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI).

**HÌNH C1. TỶ LỆ LAO ĐỘNG TỪ 15 TUỔI TRỞ LÊN ĐANG LÀM VIỆC TRONG NỀN KINH TẾ ĐÃ QUA ĐÀO TẠO CÓ CHỨNG CHỈ, BẰNG CẤP (%)**



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

HÌNH D1. MỨC ĐỘ SẴN SÀNG CHO PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CẤP TỈNH CỦA QUẢNG NAM



*Nguồn: Báo cáo Vietnam ICT Index qua các năm, Hội Tin học Việt Nam và Bộ Thông tin và Truyền thông.*

**Thông tin tác giả:**

**1. Lý Đại Hùng, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Kinh tế Việt Nam
- Địa chỉ email: hunglydai@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/3/2021

Ngày nhận bản sửa: 9/5/2021

Ngày duyệt đăng: 19/5/2021